

Bản án số: 28/2026/HN&GD-ST

Ngày: 17-3-2026

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Đức Bình.

2/ Ông Trần Văn Sơn.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 199/2025/TLST-HN&GD ngày 25 tháng 11 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2026/QĐXXST-HN&GD ngày 27 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn T, sinh năm 1975;

Nơi cư trú: Số 115, đường Điện Biên Phủ, thôn Dt 5, xã Hd, tỉnh Lâm Đồng.

- **Bị đơn:** Bà Trần Thị Thanh H, sinh năm 1980.

Nơi đăng ký HKTT: Số 115, đường Điện Biên Phủ, thôn Dt 5, xã Hd, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Ông T và bà H tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Dt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn thì ông T và bà H chung sống hạnh phúc; tuy nhiên thời gian về sau bà H thay đổi tính cách, có mối quan hệ xã hội vay mượn tiền phức tạp và tự ý bỏ chồng, con ra đi. Nay ông T xác định vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó ông T đề nghị Tòa án giải quyết cho tời ly hôn bà Trần Thị Thanh H.

Về con chung: Ông T và bà H có với nhau 03 con chung tên Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 13/7/2006; Nguyễn Ngọc Như Quỳnh, sinh ngày 22/4/2009 và Nguyễn Ngọc T Công, sinh ngày 03/8/2017.

Sau khi ly hôn, ông T yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Bà Ông T không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày:

Về hôn nhân: Bà H không đồng ý ly hôn ông T vì chưa giải quyết tài sản.

Về con chung: Giải quyết theo nguyện vọng của con chung.

Về tài sản chung và nợ: Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ.

Bị đơn đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn, đồng ý giao con chưa T niên cho nguyên đơn nuôi dưỡng; yêu cầu nguyên đơn xem xét phân chia tài sản để bị đơn có tiền trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho ông Nguyễn T ly hôn bà Trần Thị Thanh H.

2. Về con chung: Giao cho ông Nguyễn T quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Nguyễn Ngọc Như Quỳnh, sinh ngày 22/4/2009 và Nguyễn Ngọc T Công, sinh ngày 03/8/2017.

3. Ghi nhận ý kiến tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu giải quyết tranh chấp về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ trong vụ án này.

4. Buộc nguyên đơn chịu án phí ly hôn theo quy định.

(có bài phát biểu kèm theo)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn Nguyễn T khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn Trần Thị Thanh H; mặc dù bị đơn đang tạm trú tại số 33/1, đường 154, khu phố 11, phường Tân Nhơn Phú, T phố Hồ Chí Minh, nhưng hộ khẩu thường trú của bị đơn

vẫn còn tại thôn Dt 5, xã Hd, tỉnh Lâm Đồng và bị đơn có ý kiến thống nhất lựa chọn Tòa án nhân dân khu vực 17, tỉnh Lâm Đồng giải quyết vụ án này.

Căn cứ Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án **ly hôn, tranh chấp về nuôi con** thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[2.1] Về hôn nhân: Ông T và bà H tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân vào năm 2006, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Dt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận cũ (nay là xã Hd, tỉnh Lâm Đồng). Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, ông T và bà H sống chung với nhau hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo lời khai của ông T là do bà H không lo cho gia đình, bài bạc gây nợ nần và tự ý bỏ gia đình đi nơi khác sinh sống; về phía bà H cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T ngoại tình và đánh đập bà H nên bà H mới bỏ đi vào T phò Hồ Chí Minh để làm ăn, sinh sống. Tại phiên tòa, ông T vẫn kiên quyết xin ly hôn đối với bà H, bà H đồng ý ly hôn ông T.

Từ những phân tích trên cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà H.

[2.2] Về con chung: Căn cứ bản sao giấy khai sinh số 245/06; số 149/2009 và số 574/2017, do Ủy ban nhân dân thị trấn Dt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận cấp thì có căn cứ khẳng định Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 13/7/2006; Nguyễn Ngọc Như Q, sinh ngày 22/4/2009 và Nguyễn Ngọc T C, sinh ngày 03/8/2017 là con chung của ông Nguyễn T và bà Trần Thị Thanh H.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông T có yêu cầu được quyền nuôi dưỡng các con chung, bà H có ý kiến giải quyết theo nguyện vọng của con chung.

Tại các biên bản lấy lời khai lập ngày 09/02/2026, các cháu Như Q và T C thể hiện nguyện vọng được sinh sống cùng với ông Nguyễn T. Đối với cháu Như Y đã trên 18 tuổi.

Tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”

Nhận thấy, hiện tại cháu Q và cháu C đang sinh sống ổn định cùng với ông T, do đó việc thay đổi môi trường sống ít nhiều sẽ làm ảnh hưởng đến sinh hoạt hàng ngày và việc học tập của các cháu; sau khi xem xét quyền lợi về mọi mặt cũng như nguyện vọng chính đáng của các cháu và ý kiến của bị đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử quyết định giao cho ông T quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Nguyễn Ngọc Như Q và Nguyễn Ngọc T C là phù hợp với quy định tại khoản Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình khởi kiện cũng như tại phiên tòa, ông T không yêu cầu bà H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến tự nguyện của ông T trong vụ án này.

[2.4] Về tài sản chung và nợ: Quá trình khởi kiện cũng như tại phiên tòa, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về tài sản và nợ trong vụ án này. Đối với bà H thì yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, tuy nhiên bà H không có đơn khởi kiện, không xác định được tài sản tranh chấp và các khoản nợ cần giải quyết; do đó, Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

Trong trường hợp bà H có tranh chấp thì có quyền làm đơn khởi kiện tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn với ông Nguyễn T, để Tòa án có thẩm quyền giải quyết trong vụ án khác.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 40; các Điều 143, 144, 147, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025, Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 57 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm **a khoản 5 Điều 27** Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **ông Nguyễn T**.

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn T ly hôn bà Trần Thị Thanh H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 129, đăng ký ngày 21/8/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Dt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận cũ (nay là xã Hd, tỉnh Lâm Đồng) giữa ông Nguyễn T với bà Trần Thị Thanh H hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho ông Nguyễn T quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Nguyễn Ngọc Như Q, sinh ngày 22/4/2009 và Nguyễn Ngọc T C, sinh ngày 03/8/2017.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thực hiện quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chưa T niên của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ: Không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Ông Nguyễn T phải nộp số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng theo biên lai thu số 0009192 ngày 25/11/2025. Ông T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 17;
- Chi cục THADS khu vực 17;
- UBND xã Hđ, tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thuận